

# ÔN LUYỆN TOÁN 4

## QUA CÁC CHUYÊN ĐỀ CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO

(Bám sát cấu trúc trong SGK hiện hành)

### GIẢI TOÁN CÓ LỜI VĂN

- TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG
- TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ HIỆU
- TÌM PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ
- TÌM MỘT SỐ KHI BIẾT GIÁ TRỊ PHÂN SỐ CỦA SỐ ĐÓ
- TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ TỈ SỐ
- TÌM HAI SỐ KHI BIẾT HIỆU VÀ TỈ SỐ

### ③ TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG

#### Dạng 1. Tìm số trung bình cộng dạng cơ bản

**Bài 1.** Tìm số trung bình cộng của các số sau:

a) 42 và 52

b) 36 ; 42 và 57

c) 34 ; 43 ; 52 và 39

d) 20 ; 35 ; 37 ; 65 và 73

e) 13 064 ; 18 128 ; 13 740 ; 25 616

f) 11 ; 13 ; 15 ; 17 ; 19 ; 21

**Bài 2.** Tìm số trung bình cộng của các số tự nhiên liên tiếp từ 1 đến 7.

**Bài 3.** Số học sinh của ba lớp lần lượt là 25 học sinh, 27 học sinh và 32 học sinh.

Hỏi trung bình mỗi lớp có bao nhiêu học sinh ?

**Bài 4.** Bốn em Mai, Hoa, Hưng, Thịnh lần lượt cân nặng là 36kg, 38kg, 40kg,

34kg. Hỏi trung bình mỗi em nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

**Bài 5.** Có 9 ô tô chuyển thực phẩm vào thành phố, trong đó 5 ô tô đi đầu, mỗi ô tô

chở được 36 tạ và 4 ô tô đi sau, mỗi ô tô chuyển được 45 tạ. Hỏi trung bình mỗi ô

tô chở được bao nhiêu tấn thực phẩm ?

**Bài 6.** Một đội xe hàng gồm 5 xe. Hai xe đầu mỗi xe chở được 2 tấn 5 tạ gạo, ba xe

sau mỗi xe chở được 2150 kg gạo. Hỏi trung bình mỗi xe chở được bao nhiêu ki-

lô-gam gạo?

**Bài 7.** Một xí nghiệp, 3 tháng đầu sản xuất được 3427 xe đạp, 2 tháng sau sản

xuất được 2343 xe đạp. Hỏi trung bình mỗi tháng xí nghiệp đó sản xuất được bao

nhiêu xe đạp?

**Bài 8.** Hồng và Thu trồng cây ở vườn trường. Ngày đầu 2 bạn trồng được 24 cây,

ngày sau trồng được 32 cây. Hỏi trung bình mỗi ngày, một bạn trồng được bao

nhiêu cây?

**Bài 9. a)** Tìm số trung bình cộng của tất cả các số có ba chữ số khác nhau được

lập ra từ ba chữ số 3 ; 6 ; 9.

**b)** Với 4 chữ số 1, 3, 5, 7. Có thể viết bao nhiêu số có 4 chữ số khác nhau?

Tính trung bình cộng các số đó.

**Bài 10.** Lần thứ nhất lấy ra 15 lít dầu, lần thứ hai lấy nhiều hơn lần thứ nhất 9 lít

dầu, lần thứ ba lấy ra số lít dầu ít hơn tổng số lít dầu của cả hai lần lấy trước là 6

lít. Hỏi trung bình mỗi lần lấy ra bao nhiêu lít dầu?

**Bài 11.** Một cửa hàng ngày đầu bán hết 120m vải, ngày thứ hai bán được  $\frac{1}{2}$  số mét vải ngày đầu, ngày thứ ba bán được gấp đôi số vải ngày đầu. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu mét vải?

**Bài 12.** An có 36 hòn bi. Bình có số bi bằng  $\frac{3}{4}$  số bi của An. Hoà có số bi bằng  $\frac{2}{3}$  tổng số bi của 2 bạn. Hỏi trung bình mỗi bạn có bao nhiêu hòn bi?

**Bài 13.** Một cửa hàng bán vải trong ba ngày. Ngày đầu bán được 98m, ngày thứ hai bán được hơn ngày đầu 5m nhưng kém ngày thứ ba 5m. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu mét vải ?

**Bài 14.** Một đội công nhân tham gia trồng cây và được chia thành ba tổ. Tổ một có 7 người, mỗi người trồng được 12 cây. Tổ hai có 8 người, tổng cộng trồng được 90 cây. Tổ ba có 10 người trồng được tổng cộng 76 cây. Hỏi trung bình mỗi công nhân trồng được bao nhiêu cây ?

### **Dạng 2. Trung bình cộng của dãy số có quy luật cách đều.**

**Bài 15.** Tìm số trung bình cộng của các số

- a) 2 ; 4 ; 6 ; 8 ; 10.
- b) 5 ; 10 ; 15 ; 20 ;...; 95.
- c) 3 ; 7 ; 11 ; 15 ;...; 103.

**Bài 16.** a) Tính trung bình cộng của các số chẵn từ 10 đến 20.

b) Tìm trung bình cộng của các số lẻ nhỏ hơn 2019.

**Bài 17.** Cho dãy số: 6, 11, 16,..., a. Biết trung bình cộng của các số trong dãy số trên là 56. Tính a.

### **Dạng 3. Cho số Trung bình cộng. Tìm số hạng liên quan**

**Bài 18.** a) Tìm 7 số chẵn liên tiếp, biết trung bình cộng của chúng là 18.

b) Tìm 6 số chẵn liên tiếp, biết trung bình cộng của chúng là 2014.

c) Tìm ba số lẻ liên tiếp, biết trung bình cộng của chúng là 253.

**Bài 19.** Dũng nói: “trung bình cộng của 5 số lẻ liên tiếp là số hạng thứ ba”. Dũng

nói như vậy có đúng không? Vì sao?

**Bài 20.** a) Số trung bình cộng của hai số bằng 9. Biết một trong hai số đó bằng 12, tìm số kia.

b) Số trung bình cộng của hai số bằng 28. Biết một trong hai số đó bằng 30, tìm số kia.

**Bài 21.** a) Tìm hai số. Biết trung bình cộng của chúng là 375 và số bé là số nhỏ nhất có ba chữ số.

b) Tìm hai số. Biết trung bình cộng của chúng là 875 và số lớn là số lớn nhất có ba chữ số.

**Bài 22.** Trung bình cộng của 2 số là số lớn nhất có bốn chữ số. Một trong hai số đó là số tròn chục lớn nhất có bốn chữ số. Tìm số còn lại.

**Bài 23.** Tìm ba số tự nhiên khác nhau biết trung bình cộng của ba số đó là 2.

**Bài 24. a)** Trung bình cộng của 2 số là 46. Nếu viết thêm chữ số 4 vào bên phải số thứ nhất thì được số thứ hai. Tìm hai số đó.

b) Trung bình cộng của 2 số là 39. Nếu viết thêm chữ số 7 vào bên trái số thứ nhất thì được số thứ hai. Tìm hai số đó.

**Bài 25.** Trung bình cộng của hai số bằng 42. Nếu bổ sung số thứ ba bằng 48 thì trung bình cộng của ba số là bao nhiêu ?

**Bài 26.** Trung bình cộng của bốn số bằng 45. Nếu không kể số thứ tư thì trung bình cộng của ba số còn lại bằng 40. Vậy số thứ tư hơn trung bình cộng của bốn số là bao nhiêu ?

**Bài 27.** Biết điểm hai bài kiểm tra toán của An là điểm 6 và điểm 8. Hỏi điểm bài kiểm tra toán thứ ba của An phải là bao nhiêu để điểm trung bình của ba bài kiểm tra toán của An là điểm 8.

**Bài 28.** Hai quầy lương thực cùng nhập về một số gạo, trung bình mỗi quầy nhập 325 kg gạo. Nếu quầy thứ nhất nhập thêm 30 kg, quầy thứ hai nhập thêm 50 kg thì số gạo ở 2 quầy bằng nhau. Tính xem mỗi quầy nhập được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

**Bài 29.** Tuổi trung bình của 11 cầu thủ bóng đá là 23. Nếu không kể đội trưởng thì tuổi trung bình của 10 cầu thủ còn lại bằng 22. Vậy đội trưởng hơn tuổi trung

bình của cả đội là bao nhiêu tuổi?

**Bài 30.** Biết trung bình số đo độ dài mỗi cạnh hình tam giác là 4m 5cm, trung bình số đo độ dài mỗi cạnh hình tứ giác là 31dm. Hỏi chu vi hình tam giác và chu vi hình tứ giác hơn kém nhau bao nhiêu xăng-ti-mét ?

**Bài 31.** Có 4 bao đường, trung bình mỗi bao chứa 17kg đường, nếu không tính bao thứ nhất thì trung bình mỗi bao còn lại chứa 15kg đường. Hỏi bao thứ nhất chứa bao nhiêu ki-lô-gam đường ?

**Bài 32.** Khi đánh số trang của một quyển sách người ta thấy trung bình cộng mỗi trang phải dùng 2 chữ số. Hỏi quyển sách đó có bao nhiêu trang?

**Bài 33.** Trung bình cộng của số thứ nhất và số thứ hai là 197. Trung bình cộng của số thứ hai và số thứ ba là 175. Trung bình cộng của số thứ nhất và số thứ ba là 168. Tìm ba số đó

**Bài 34.** Trung bình cộng tuổi ông, tuổi bố và tuổi cháu là 36. Trung bình cộng tuổi bố và tuổi cháu là 23. Ông hơn cháu 54 tuổi. Hỏi tuổi của mỗi người là bao nhiêu.

**Bài 35.** Trung bình cộng tuổi bố, tuổi mẹ, tuổi Lan và tuổi Bình là 24 tuổi. Trung bình cộng tuổi bố và tuổi mẹ và tuổi Lan là 28 tuổi. Biết tuổi Lan bằng  $\frac{1}{6}$  tuổi mẹ, Bình gấp đôi tuổi Lan. Hỏi mỗi người bao nhiêu tuổi.

#### **Dạng 4. Một số hạng bằng số trung bình cộng**

*\* Nếu một số bằng trung bình cộng của tất cả các số thì số đó cũng bằng trung bình cộng của các số còn lại. (Hai số trung bình cộng bằng nhau)*

**Bài 36.** Kho A có 10500 kg thóc, kho B có 14700 kg thóc, kho C có số thóc bằng trung bình cộng số thóc cả 3 kho. Hỏi kho C có bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

**Bài 37.** Ba bạn An, Hùng, Dũng đi câu cá. An câu được 15 con cá, Hùng câu được 11 con cá. Dũng câu được số con cá bằng trung bình cộng số cá của cả ba bạn. Hỏi Dũng câu được mấy con cá ?

**Bài 38.** Tổng của ba số là 36. Biết rằng số thứ hai bằng trung bình cộng của số thứ nhất và số thứ ba. Tìm ba số biết số thứ nhất ít hơn số thứ ba 8 đơn vị.

**Dạng 5. Một số hạng lớn hơn trung bình cộng:**

Khi có một số nhiều hơn TBC của các số thì ta có

1. Số trung bình cộng:  $TBC = \frac{a_1 + a_2 + \dots + a_{n-1} + x}{n-1}$

(trong đó x là phần nhiều hơn của số thứ n so với TBC)

**Bài 39.** Cho hai số biết số lớn là 1 516 và số này lớn hơn trung bình cộng của hai số là 173. Tìm số bé.

**Bài 40.** Biết khối lượng trung bình của con chó và con gà ít hơn khối lượng của con chó là 6kg. Em hãy cho biết con chó nặng hơn con gà bao nhiêu kg ?

**Bài 41.** Nhà bạn An thu hoạch được 75kg lạc. Nhà bạn Bình thu hoạch được nhiều hơn nhà bạn An là 24kg lạc. Nhà bạn Huệ thu được số lạc nhiều hơn số trung bình cộng của cả ba nhà là 6kg. Tính số kg lạc nhà bạn Bình và nhà bạn Huệ thu được ?

**Bài 42.** Thùng thứ nhất 75 lít dầu, thùng thứ hai có 78 lít dầu. Thùng thứ ba có nhiều hơn trung bình cộng số dầu của cả ba thùng là 3 lít dầu. Hỏi thùng thứ ba có bao nhiêu lít dầu?

**Bài 43.** Bốn bạn Mai, Hoa, Lan và Huệ cùng trồng cây trong khuôn viên lớp. Bạn Mai trồng được 12 cây, bạn Hoa trồng được 15 cây, bạn Lan trồng được 14 cây, bạn Huệ trồng được số cây nhiều hơn số trung bình cộng của cả bốn bạn là 4 cây. Hỏi bạn Huệ trồng được bao nhiêu cây?

**Bài 44.** Huệ xếp được 10 bông hoa, Lan xếp được 12 bông hoa, hằng xếp được số bông hoa bằng trung bình cộng số bông hoa của Huệ và Lan. Phượng có số bông hoa nhiều hơn trung bình cộng của ba bạn trên là 6 bông hoa. Hỏi Phượng xếp được bao nhiêu bông hoa ?

**Bài 45.** Khối 4 của trường em gồm lớp 4A, 4B và 4C. Lớp 4A có 21 học sinh, lớp 4B có 23 học sinh, lớp 4C có số học sinh nhiều hơn trung bình cộng 2 lớp 4A và 4B là 2 bạn. Hỏi lớp 4C có bao nhiêu bạn học sinh?

### **Dạng 6. Một số hạng bé hơn số trung bình cộng**

Khi có một số bé hơn số TBC của các số thì

$$\text{Số trung bình cộng: } TBC = \frac{a_1 + a_2 + \dots + a_{n-1} - x}{n - 1}$$

(trong đó x là phần ít hơn của số thứ n so với TBC)

**Bài 46.** Bình có 8 quyển vở, Nguyên có 4 quyển vở. Mai có số vở ít hơn trung bình cộng của cả ba bạn là 2 quyển. Hỏi số vở của Mai là bao nhiêu?

**Bài 47.** Khánh có 20 viên bi, Bảo có 31 viên bi, Nam có số bi ít hơn trung bình cộng của cả 3 bạn là 5 viên bi. Hỏi Nam có bao nhiêu viên bi?

**Bài 48.** Túi kẹo thứ nhất có 25 viên, túi thứ hai nhiều hơn túi thứ nhất 7 viên kẹo. Túi thứ ba ít hơn trung bình cộng số kẹo của cả ba túi là 3 viên kẹo. Hỏi túi thứ ba có bao nhiêu viên kẹo?

**Bài 49.** Khối lớp 4 của trường Tiểu học Kim Liên tham gia trồng cây trong vườn sinh thái của trường. Lớp 4A trồng được 35 cây, lớp 4B trồng được nhiều hơn lớp 4A 12 cây, lớp 4C trồng ít hơn lớp 4B 5 cây. Lớp 4D trồng được ít hơn trung bình số cây bốn lớp trồng được là 7 cây. Hỏi khối lớp 4 trồng được tất cả bao nhiêu cây?

-----HẾT-----

## ④ TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ HIỆU

### Dạng 1. Cho biết cả tổng và hiệu

Phương pháp giải:

$$\text{Cách 1. Số lớn} = (\text{Tổng} + \text{Hiệu}) : 2$$

$$\text{Số bé} = \text{Tổng} - \text{Số lớn}$$

$$\text{Cách 2. Số bé} = (\text{Tổng} - \text{Hiệu}) : 2$$

$$\text{Số lớn} = \text{Tổng} - \text{Số bé}$$

**Bài 1.** Tìm 2 số biết tổng và hiệu của chúng lần lượt là:

a) 24 và 6;

b) 60 và 12

**Bài 2.** Tìm hai số biết tổng của hai số bằng 42, hiệu của hai số bằng 10.

**Bài 3.** Tính nhẩm: Tổng của hai số bằng 8. Hiệu của chúng cũng bằng 8. Tìm hai số đó.

**Bài 4.** Tuổi bố và tuổi con cộng lại được 58 tuổi. Bố hơn con 38 tuổi. Hỏi bố bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi?

**Bài 5.** Tuổi chị và tuổi em cộng lại được 36 tuổi. Em kém chị 8 tuổi. Hỏi chị bao nhiêu tuổi, em bao nhiêu tuổi?

**Bài 6.** Một lớp học có 28 học sinh. Số hs nam hơn số hs nữ là 4 em. Hỏi lớp học đó có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

**Bài 7.** Hai lớp 4A và 4B trồng được 600 cây. Lớp 4A trồng được ít hơn lớp 4B là 50 cây. Hỏi mỗi lớp trồng được bao nhiêu cây?

**Bài 8.** Một thư viện trường học cho HS mượn 65 quyển sách gồm 2 loại: Sách giáo khoa và sách đọc thêm. Số sách giáo khoa nhiều hơn số sách đọc thêm 17 quyển. Hỏi thư viện đó đã cho học sinh mượn mỗi loại bao nhiêu quyển sách?

**Bài 9.** Một hình chữ nhật có hiệu hai cạnh liên tiếp là 24 cm và tổng của chúng là 92 cm. Tính diện tích của hình chữ nhật đã cho.

**Bài 10.** Hai phân xưởng làm được 1200 sản phẩm. Phân xưởng thứ nhất làm được ít hơn phân xưởng thứ hai 120 sản phẩm. Hỏi mỗi phân xưởng làm được bao nhiêu sản phẩm?

**Bài 11.** Thu hoạch từ hai thửa ruộng được 5 tấn 2 tạ thóc. Thu hoạch được ở thửa ruộng thứ nhất được nhiều hơn ở thửa ruộng thứ hai 8 tạ thóc. Hỏi thu



hoạch được ở mỗi thửa ruộng bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

**Bài 12.** Hai thùng chứa được tất cả 600 lít nước. Thùng bé chứa được ít hơn thùng to 120 lít nước. Hỏi mỗi thùng chứa được bao nhiêu lít nước?

**Dạng 2. Cho biết tổng nhưng ẩn hiệu**

Phương pháp giải:

*Bước 1. Tìm hiệu hai số.*

*Bước 2. Áp dụng công thức tìm hai số.*

**Bài 13.** Tìm hai số chẵn có tổng là 210, biết giữa chúng có 18 số chẵn khác.

**Bài 14.** Tìm hai số biết tổng của chúng là 198 và nếu xóa đi chữ số bên trái của số lớn thì được số bé. Nếu xóa chữ số 1 thì số đó giảm 100 đơn vị.

**Bài 15.** Hai lớp 4A và 4B có tất cả 82 học sinh. Nếu chuyển 2 học sinh ở lớp 4A sang lớp 4B thì số học sinh 2 lớp sẽ bằng nhau. Tính số học sinh của mỗi lớp.

**Bài 16.** Tìm hai số lẻ có tổng là 186. Biết giữa chúng có 5 số lẻ.

**Bài 17.** Hai ông cháu hiện nay có tổng số tuổi là 68, biết rằng cách đây 5 năm cháu kém ông 52 tuổi. Tính số tuổi của mỗi người.

**Bài 18.** Hùng và Dũng có tất cả 45 viên bi. Nếu Hùng có thêm 5 viên bi thì Hùng có nhiều hơn Dũng 14 viên. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu viên bi.

**Bài 19.** Lớp 4A có 32 học sinh. Hôm nay có 3 bạn nữ nghỉ học nên số nam nhiều hơn số nữ là 5 bạn. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh nữ, bao nhiêu học sinh nam?

**Bài 20.** Hùng và Dũng có tất cả 46 viên bi. Nếu Hùng cho Dũng 5 viên bi thì số bi của hai bạn bằng nhau. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu viên bi.

**Bài 21.** Hai thùng dầu có tất cả 116 lít. Nếu chuyển 6 lít từ thùng thứ nhất sang thùng thứ hai thì lượng dầu ở hai thùng bằng nhau. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?

**Bài 22.** Tìm hai số có tổng là 132. Biết rằng nếu lấy số lớn trừ đi số bé rồi cộng với tổng của chúng thì được 178.

**Bài 23.** Tìm hai số có tổng là 234. Biết rằng nếu lấy số thứ nhất trừ đi số thứ hai rồi cộng với hiệu của chúng thì được 172.

**Bài 24.** An và Bình có tất cả 120 viên bi. Nếu An cho Bình 20 viên thì Bình sẽ có

nhiều hơn An 16 viên. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?

**Bài 25.** Hai kho gạo có 155 tấn. Nếu thêm vào kho thứ nhất 8 tấn và kho thứ hai 17 tấn thì số gạo ở mỗi kho bằng nhau. Hỏi lúc đầu mỗi kho có bao nhiêu tấn gạo?

**Bài 26.** Ngọc có tất cả 48 viên bi vừa xanh vừa đỏ. Biết rằng nếu lấy ra 10 viên bi đỏ và 2 viên bi xanh thì số bi đỏ bằng số bi xanh. Hỏi có bao nhiêu viên bi mỗi loại?

**Bài 27.** Hai người thợ dệt dệt được 270 m vải. Nếu người thứ nhất dệt thêm 12m và người thứ hai dệt thêm 8 m thì người thứ nhất sẽ dệt nhiều hơn người thứ hai 10 m. hỏi mỗi người đã dệt được bao nhiêu mét vải?

**Bài 28.** Tổng của 3 số là 1978. Số thứ nhất hơn tổng hai số kia là 58 đơn vị. Nếu bớt ở số thứ hai đi 36 đơn vị thì số thứ hai sẽ bằng số thứ ba. Tìm 3 số đó.

### **Dạng 3. Cho biết hiệu nhưng ẩn tổng**

Phương pháp giải:

*Bước 1. Tìm tổng hai số.*

*Bước 2. Áp dụng công thức tìm hai số.*

**Bài 29.** Tất cả học sinh của lớp xếp hàng 3 thì được 12 hàng. Số bạn gái ít hơn số bạn trai là 4. Hỏi lớp đó có bao nhiêu bạn trai, bao nhiêu bạn gái?

**Bài 30.** Bố hơn con 28 tuổi; 3 năm nữa số tuổi của cả hai bố con tròn 50. Tính tuổi hiện nay của mỗi người.

**Bài 31.** Mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi 48m, chiều dài hơn chiều rộng 4m. Hỏi diện tích của mảnh vườn là bao nhiêu mét vuông?

**Bài 32.** Bố hơn con 30 tuổi. Biết 5 năm nữa tổng số tuổi của 2 bố con là 62 tuổi. Tính tuổi 2 bố con hiện nay.

**Bài 33.** Cha hơn con 32 tuổi. Biết 4 năm nữa tổng số tuổi của 2 cha con là 64 tuổi. Tính tuổi 2 cha con hiện nay.

**Bài 34.** Tổng của hai số là một số lớn nhất có 3 chữ số chia hết cho 5. Biết nếu thêm vào số bé 35 đơn vị thì ta được số lớn. Tìm mỗi số.

**Bài 35.** Trên một bãi cỏ người ta đếm được 100 cái chân vừa gà vừa chó. Biết số chân chó nhiều hơn chân gà là 12 chiếc. Hỏi có bao nhiêu con gà, bao nhiêu con

chó?

**Bài 36.** Trên một bãi cỏ người ta đếm được 100 cái mắt vừa gà vừa chó. Biết số chó nhiều hơn số gà là 12 con. Hỏi có bao nhiêu con gà, bao nhiêu con chó?

**Bài 37.** Tìm hai số có hiệu là 129. Biết rằng nếu lấy số thứ nhất cộng với số thứ hai rồi cộng với tổng của chúng thì được 2010.

**Bài 38.** Một phép trừ có tổng của số bị trừ, số trừ và hiệu là 7652. Hiệu lớn hơn số trừ 798 đơn vị. Hãy tìm phép trừ đó.

**Bài 39.** Tìm hai số có hiệu là 22. Biết rằng nếu lấy số lớn cộng với số bé rồi cộng với hiệu của chúng thì được 116.

**Bài 40.** Tìm hai số có hiệu là 132. Biết rằng nếu lấy số lớn cộng với số bé rồi trừ đi hiệu của chúng thì được 548.

**Bài 41.** Lan đi bộ vòng quanh sân trường hết 15 phút, mỗi phút đi được 36 m. Biết chiều dài của sân hơn chiều rộng là 24 m. Tính diện tích của sân trường.

**Bài 42.** Hồng có nhiều hơn Huệ 16000 đồng. Nếu Hồng có thêm 5000 đồng và Huệ có thêm 11000 đồng thì cả hai bạn sẽ có tất cả 70000 đồng. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu tiền?

**Bài 43.** Hồng có nhiều hơn Huệ 16000 đồng. Nếu Hồng cho đi 5000 đồng và Huệ cho 11000 đồng thì cả hai bạn sẽ có tất cả 70000 đồng. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu tiền ?

**Bài 44.** Anh hơn em 5 tuổi. Biết rằng 5 năm nữa thì tổng số tuổi của hai anh em là 25. Tính số tuổi của mỗi người hiện nay?

**Bài 45.** Tính diện tích của miếng đất hình chữ nhật có chu vi là 256 m và chiều dài hơn chiều rộng 32m.

**Bài 46.** Hiệu hai số là 705. Tổng 2 số gấp 5 lần số bé. Tìm 2 số đó.

#### **Dạng 4. Ấn cả tổng và hiệu**

Phương pháp giải:

Bước 1. Tìm tổng và hiệu của hai số

Bước 2. Áp dụng công thức tìm hai số

**Bài 47.** Hai số lẻ có tổng là số nhỏ nhất có 4 chữ số và ở giữa hai số lẻ đó có 4 số lẻ. Tìm hai số đó.

**Bài 48.** Tìm hai số biết tổng của chúng gấp 5 lần số lớn nhất có hai chữ số và hiệu của chúng kém số lớn nhất có ba chữ số 9 lần.

**Bài 49.** Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi là 120m. Tính diện tích thửa ruộng đó, biết nếu tăng chiều rộng 5m và giảm chiều dài 5m thì thửa ruộng đó trở thành hình vuông.

**Bài 50.** Tìm hai số biết tổng gấp 9 lần hiệu của chúng và hiệu kém số bé 27 đơn vị.

**Bài 51.** Tổng 2 số là số lớn nhất có 3 chữ số. Hiệu của chúng là số lẻ nhỏ nhất có 2 chữ số. Tìm mỗi số.

**Bài 52.** Tìm hai số có tổng là số lớn nhất có 4 chữ số và hiệu là số lẻ bé nhất có 3 chữ số.

**Bài 53.** Tìm hai số có tổng là số bé nhất có 4 chữ số và hiệu là số chẵn lớn nhất có 2 chữ số.

**Bài 54.** Tìm hai số có hiệu là số bé nhất có 2 chữ số chia hết cho 3 và tổng là số lớn nhất có 2 chữ số chia hết cho 2.

**Bài 55.** Tìm hai số, biết tổng hai số là số lớn nhất có hai chữ số. Hiệu hai số là số lẻ bé nhất có hai chữ số.

**Bài 56.** Tìm hai số biết hiệu hai số là số lớn nhất có 1 chữ số và tổng hai số là số lớn nhất có ba chữ số.

**Bài 57.** Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi bằng chu vi thửa ruộng hình vuông cạnh 80m. Nếu giảm chiều dài mảnh vườn đi 30m và tăng chiều rộng thêm 10m thì mảnh vườn sẽ có hình vuông. Tính diện tích mảnh vườn.

**Bài 58.** Lớp 5A và 5B trồng cây. Biết trung bình cộng số cây của hai lớp là : 235 cây. Và nếu lớp 5A trồng thêm 80 cây và lớp 5B trồng thêm 40 cây thì số cây của hai lớp bằng nhau. Tìm số cây của mỗi lớp đã trồng.

**Bài 59.** Hiệu của hai số bằng 520. Nếu bớt số lớn đi 40 đơn vị thì số bé bằng số lớn. số bé là:

A. 880

B. 88

C. 800

D. 80

**Bài 60.** Tìm hai số biết số thứ nhất bằng số thứ hai. Biết rằng nếu bớt ở số thứ nhất đi 28 đơn vị và thêm vào số thứ hai là 35 đơn vị thì được tổng mới là 357.

**Bài 61.** Lớp 4A, 4B, 4C của một trường tiểu học có 95 học sinh. Biết rằng nếu thêm 7 học sinh nữa vào lớp 4C thì sẽ bằng số học sinh lớp 4B và số học sinh lớp 4A là 32 em. Hỏi lớp 4B và 4C mỗi lớp có bao nhiêu học sinh?

**Bài 62.** An và Bình mua chung 45 quyển vở và phải trả hết số tiền là 72000 đồng. Biết An phải trả nhiều hơn Bình 11200. Hỏi mỗi bạn đã mua bao nhiêu quyển vở.

**Bài 63.** Ba bạn Lan, Đào, Hồng có tất cả 27 cái kẹo. Nếu Lan cho Đào 5 cái, Đào cho Hồng 3 cái, Hồng lại cho Lan 1 cái thì số kẹo của ba bạn bằng nhau. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu cái kẹo?

**Bài 64.** Trung bình cộng số tuổi của bố, tuổi An và tuổi Hồng là 19 tuổi, tuổi bố hơn tổng số tuổi của An và Hồng là 2 tuổi, Hồng kém An 8 tuổi. Tính số tuổi của mỗi người.

**Bài 65.** Tìm hai số có hiệu là 603, biết rằng khi thêm một chữ số 0 vào bên phải số bé thì được số lớn.

**Bài 66.** Tổng hai số là 724. Tìm hai số, biết rằng khi xoá chữ số 7 ở hàng trăm của số lớn thì được số bé.

-----HẾT-----

## ⑤ TÌM PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ

### Dạng 1. Tìm phân số của một số (dạng cơ bản)

**Biết:** Số ban đầu:  $a$  ; Phân số:  $\frac{m}{n}$

**Tìm:** Giá trị phân số của số đó  $= a \times \frac{m}{n}$

#### Bài 1. Tìm

a)  $\frac{2}{3}$  của 12.

b)  $\frac{4}{9}$  của 108

c)  $\frac{8}{5}$  của 20

**Bài 2.** Một lớp có 35 học sinh, trong đó  $\frac{3}{5}$  số học sinh xếp loại khá. Tính số học sinh xếp loại khá của lớp học đó.

**Bài 3.** Một sân trường hình chữ nhật có chiều dài 120m, chiều rộng bằng  $\frac{5}{6}$  chiều dài. Tính chiều rộng của sân trường.

**Bài 4.** Lớp 4A có 16 học sinh nam và số học sinh nữ bằng  $\frac{9}{8}$  số học sinh nam. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh nữ?

**Bài 5.** Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 60m, chiều rộng bằng  $\frac{3}{5}$  chiều dài. Tính chu vi và diện tích của mảnh vườn đó.

**Bài 6.** Mẹ 49 tuổi, tuổi con bằng  $\frac{2}{7}$  tuổi mẹ. Hỏi con bao nhiêu tuổi?

**Bài 7.** Quảng đường từ nhà anh Hải đến thị xã dài 15km. Anh Hải đi từ nhà ra thị xã, khi đi được  $\frac{2}{3}$  quãng đường thì dừng lại nghỉ một lúc. Hỏi anh Hải còn phải đi tiếp bao nhiêu ki-lô-mét nữa thì đến thị xã?

**Bài 8.** Đoạn đường sắt Hà Nội - Hải phòng dài 102 km. Một xe lửa xuất phát từ Hà Nội đi được  $\frac{3}{5}$  quãng đường. Hỏi xe lửa còn cách Hải Phòng bao nhiêu kilomet?

**Bài 9.** Trên bãi có 20 con bò và có số trâu bằng  $\frac{1}{4}$  số bò. Hỏi trên bãi đó có mấy con trâu?

**Bài 10.** Tuấn có 21 viên bi. Tuấn cho Dũng  $\frac{3}{7}$  số bi của mình. Hỏi: Dũng được Tuấn cho bao nhiêu viên bi? Tuấn còn lại bao nhiêu viên bi?

**Bài 11.** Một cửa hàng có 50kg đường. Buổi sáng bán 10kg, buổi chiều bán  $\frac{3}{8}$  số đường còn lại. Hỏi cửa hàng đã bán được bao nhiêu ki-lô-gam đường?

**Bài 12.** Một kho chứa 23 450 kg cà phê. Lần đầu lấy ra 2710kg cà phê, lần sau lấy gấp đôi lần đầu. Hỏi trong kho còn lại bao nhiêu ki-lô-gam cà phê?

**Bài 13.** Có một kho chứa xăng. Lần đầu người ta lấy ra 32850l xăng, lần sau lấy ra bằng  $\frac{1}{3}$  lần đầu thì trong kho còn lại 56 200l xăng. Hỏi lúc đầu trong kho có bao nhiêu lít xăng?

**Bài 14.** Có 3 đội trồng rừng. Đội thứ nhất trồng được 3564 cây. Đội thứ hai trồng được ít hơn đội thứ nhất là 558 cây. Đội thứ ba trồng được số cây bằng  $\frac{1}{3}$  tổng số cây đội thứ nhất và đội thứ hai. Hỏi trung bình mỗi đội trồng được bao nhiêu cây?

**Bài 15.** Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 48m, chiều rộng bằng  $\frac{5}{8}$  chiều dài. Nếu tăng chiều dài thêm 2m và chiều rộng thêm 5m thì diện tích khu vườn là bao nhiêu?

## **Dạng 2. Tìm giá trị từng phần biết các phần có quan hệ phụ thuộc nhau**

### **Bài toán 1. Một số chia thành nhiều phần. Tính giá trị từng phần đó**

**Bài 16.** Một trường học có 1200 học sinh. Số học sinh có học lực trung bình chiếm  $\frac{5}{8}$  tổng số, số học sinh khá chiếm  $\frac{1}{3}$  tổng số, còn lại là học sinh giỏi. Tính số học sinh giỏi của trường này.

**Bài 17.** Ba người thợ làm công được 270 000 đồng. Người thứ nhất được  $\frac{1}{2}$  số tiền, người thứ hai được  $\frac{2}{5}$  số tiền. Tính tiền của người thứ ba.

**Bài 18.** Ba người chia nhau 720 000 đồng. Người thứ nhất được  $\frac{1}{6}$  số tiền, người thứ hai được  $\frac{3}{8}$  số tiền, còn lại là của người thứ ba. Tính số tiền của ba người.

**Bài 19.** Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 24m, chiều rộng 15m. Người ta sử dụng  $\frac{3}{8}$  diện tích để trồng hoa,  $\frac{1}{5}$  diện tích để làm đường đi, phần còn lại để làm hồ nước. Tính diện tích hồ nước

**Bài 20.** Có tất cả 720 kg gạo gồm ba loại:  $\frac{1}{6}$  số gạo là gạo thơm,  $\frac{3}{8}$  số gạo là gạo tẻ, còn lại là gạo nếp. Tính số gạo mỗi loại?

**Bài 21.** Một đàn trâu, bò, ngựa có tất cả là 120 con. Biết rằng số trâu bằng  $\frac{2}{3}$  tổng số bò và ngựa. Số ngựa bằng  $\frac{1}{5}$  tổng số trâu bò. Tính số con mỗi loại

**Bài toán 2. Lấy một phần - Tìm phân số của phần còn lại**

**Bài 22.** Một ô tô đã đi 110km trong 3 giờ. Trong giờ thứ nhất xe đi được  $\frac{1}{3}$  quãng đường. Trong giờ thứ hai, xe đi được  $\frac{2}{5}$  quãng đường còn lại. Hỏi trong giờ thứ ba xe đi được bao nhiêu ki-lo-met?

**Bài 23.** Mẹ có 3kg đường. Mẹ dùng  $\frac{1}{4}$  số đường để làm bánh và  $\frac{1}{5}$  số đường còn lại để pha nước uống. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu gam đường?

**Bài 24.** Một kho thóc chứa 3 tấn 6 tạ thóc. Lần đầu lấy ra  $\frac{1}{9}$  số thóc, lần thứ hai lấy ra  $\frac{1}{5}$  số thóc còn lại. Sau đó cửa hàng nhập về 25 tạ thóc. Tính số thóc trong kho sau khi nhập thêm về.



**Bài 25.** Một thùng dầu chứa 72 lít dầu. Lần thứ nhất rót ra  $\frac{1}{3}$  số dầu trong thùng.

Lần thứ hai rót ra  $\frac{2}{3}$  số dầu còn lại và 4 lít. Hỏi sau hai lần rót, trong thùng còn lại bao nhiêu lít dầu?

**Bài 26.** Một cửa hàng bán một tấm vải trong ba ngày. Ngày thứ nhất bán  $\frac{1}{3}$  tấm vải và 5m, ngày thứ hai bán  $\frac{3}{7}$  số vải còn lại và 3m, ngày thứ ba bán 17m thì hết tấm vải. Hỏi hai ngày đầu mỗi ngày bán được bao nhiêu mét vải ?

**Bài 27.** Tại một nhà máy, cuối năm số công nhân được khen nếu thêm 2 người thì được  $\frac{1}{5}$  tổng số công nhân, số công nhân không được khen nếu giảm đi 14 người thì bằng  $\frac{1}{2}$  số công nhân. Hỏi có bao nhiêu công nhân được khen?

-----HẾT-----

## ⑥ TÌM MỘT SỐ KHI BIẾT GIÁ TRỊ PHẦN SỐ CỦA SỐ ĐÓ

### Dạng 1. Tìm một số khi biết giá trị phân số của số đó (Dạng cơ bản)

Phương pháp giải:  $\frac{m}{n}$  của số đó là  $b$  thì : Số đó là  $b : \frac{m}{n}$

**Bài 1.** Tìm một số biết

a)  $\frac{3}{4}$  của số đó là 12

b)  $\frac{9}{7}$  của số đó là 63

d)  $\frac{2}{5}$  của số đó là 24

d)  $\frac{13}{11}$  của số đó là 78

**Bài 2.** Lan có một số tiền. Lan đã tiêu hết  $\frac{3}{4}$  số tiền thì còn lại 20000 đồng. Hỏi lúc đầu Lan có bao nhiêu tiền ?

**Bài 3.** Lớp 4A có 21 học sinh nữ. Số học sinh nữ bằng  $\frac{3}{5}$  số học sinh của cả lớp.

Tính số học sinh lớp 4A

**Bài 4.** Một bể chứa đầy nước, sau khi dùng hết 350 lít nước thì trong bể còn lại một lượng nước bằng  $\frac{13}{20}$  dung tích bể. Hỏi bể này chứa được bao nhiêu lít nước ?

**Bài 5.** Một xí nghiệp đã thực hiện  $\frac{5}{9}$  kế hoạch, còn phải làm tiếp 560 sản phẩm nữa mới hoàn thành kế hoạch. Tính số sản phẩm xí nghiệp được giao theo kế hoạch.

**Bài 6.** Nam có một số tiền, sau khi mua vở hết  $\frac{5}{8}$  số tiền thì Nam còn lại 24000 đồng. Hỏi lúc đầu Nam có bao nhiêu tiền?

### Dạng 2. Một số được chia thành nhiều phần có quan hệ với nhau

#### Phương pháp giải:

Cách 1. Tính ngược giá trị các phần về số ban đầu

Cách 2. Bước 1. Tìm phân số chỉ giá trị của một phần.

Bước 2. Tìm số ban đầu khi biết giá trị phân số đó.

**Bài 1.** Một xe máy đi quãng đường từ A đến B. Giờ thứ nhất đi được  $\frac{2}{7}$  quãng đường, giờ thứ hai đi được  $\frac{1}{7}$  quãng đường, giờ thứ ba ô tô đi 56 km nữa thì hết quãng đường. Hỏi quãng đường AB dài bao nhiêu km?

**Bài 2.** Một người hàng tháng dành tháng ăn hết  $\frac{1}{2}$  tiền lương, trả tiền nhà hết  $\frac{1}{6}$  tiền lương, tiêu khác hết  $\frac{1}{5}$  tiền lương. Còn lại để dành được 2500000 đồng. Tính lương tháng của người đó.

**Bài 3.** Một sợi dây sau khi cắt lần thứ nhất hết  $\frac{1}{2}$  số vải, cắt lần thứ hai hết  $\frac{1}{3}$  số vải thì còn lại 12m. Tính độ dài sợi dây ban đầu

**Bài 4.** Đạt có một số tiền. Đạt mua vở hết  $\frac{2}{3}$  số tiền, mua bút hết  $\frac{1}{5}$  số tiền còn lại sau khi mua vở thì trong túi còn 8000 đồng. Hỏi lúc đầu Đạt có bao nhiêu tiền?

**Bài 5.** Một quầy hàng bán vải lần thứ nhất bán  $\frac{1}{2}$  tấm vải, lần thứ hai bán được  $\frac{2}{3}$  tấm vải còn lại thì còn dư 12m. Hỏi tấm vải đó dài bao nhiêu mét?

**Bài 6.** Một người bán hàng lần thứ nhất bán  $\frac{1}{5}$  số trứng, lần thứ hai bán  $\frac{3}{8}$  số trứng còn lại thì còn lại 15 quả trứng. Hỏi người đó đem bán bao nhiêu quả trứng và mỗi lần người đó bán bao nhiêu quả trứng?

**Bài 7.** Một người bán dừa lần thứ nhất bán  $\frac{1}{4}$  số dừa, lần thứ hai bán  $\frac{1}{2}$  số dừa còn lại thì còn lại 120 quả. Hỏi người đó đem bán bao nhiêu quả dừa?

**Bài 8.** Một người bán vải lần thứ nhất bán  $\frac{1}{5}$  số vải, lần thứ hai bán  $\frac{4}{7}$  số vải còn lại thì tấm vải chỉ còn lại 12m. Hỏi tấm vải dài bao nhiêu mét? Mỗi lần bán bao nhiêu mét vải?

**Bài 9.** Tổng số tuổi của ba cha con là 85 tuổi. Trong đó tuổi con gái bằng  $\frac{2}{5}$  tuổi

cha. Tuổi con trai bằng  $\frac{3}{4}$  tuổi con gái. Tìm số tuổi mỗi người.

**Bài 10.** Ba bạn An, Bình và Dũng góp tiền mua một quả bóng. An góp  $\frac{1}{4}$  số tiền,

Bình góp  $\frac{3}{10}$  số tiền. Dũng góp nhiều hơn Bình 3000 đồng. Tính tổng số tiền mọi người đã góp.

**Bài 11.** Ba bạn Lan, Mai, Phượng cùng góp chung nhau một số tiền. Biết rằng số tiền Lan góp bằng  $\frac{1}{3}$  số tiền còn lại, số tiền Mai góp bằng  $\frac{2}{7}$  số tiền còn lại và

Phượng góp 9500 đồng. Hỏi cả ba bạn đã góp được bao nhiêu tiền

**Bài 12.** Một cửa hàng buổi sáng bán được  $\frac{2}{9}$  tấm vải, buổi chiều bán được  $\frac{2}{5}$  tấm

vải ấy. Biết rằng tấm vải bán buổi chiều bán được nhiều hơn buổi sáng là 8m. Tính số vải bán mỗi buổi.

**Bài 13.** Kết quả của học kì I, lớp 4A có  $\frac{1}{4}$  số học sinh đạt Học sinh Giỏi,  $\frac{3}{8}$  số học

sinh đạt Học sinh Tiên tiến. Hỏi số học sinh không được khen chiếm bao nhiêu so với cả lớp?

**Bài 14.** Lớp 4B có học sinh nam. Số học sinh nữ bằng  $\frac{2}{3}$  số học sinh cả lớp. Hỏi

lớp 4A có bao nhiêu học sinh nữ.

**Bài 15.** Cường có một số tiền, Cường đã tiêu hết 45000 đồng. Như vậy số tiền

còn lại bằng  $\frac{3}{4}$  số tiền Cường có ban đầu. Hỏi Cường còn lại bao nhiêu tiền?

**Bài 16.** Nam có một số tiền, sau khi mua vở hết  $\frac{5}{8}$  số tiền thì Nam còn lại 24000

đồng. Hỏi lúc đầu Nam có bao nhiêu tiền?

**Bài 17.** Một thùng chứa đầy dầu cân nặng 48 kg, người ta rót ra  $\frac{5}{9}$  số dầu trong

thùng thì thùng dầu chỉ còn nặng 23 kg. Hỏi thùng không nặng bao nhiêu kg ?

**Bài 18.** Một thùng chứa đầy mắm cân nặng 27 kg, người ta rót ra  $\frac{2}{5}$  số mắm trong thùng thì thùng mắm chỉ còn nặng 1 kg. Hỏi thùng không chứa nước mắm thì nặng bao nhiêu kg ?

**Bài 19.** Tuổi em bằng  $\frac{1}{4}$  tuổi mẹ, tuổi anh bằng  $\frac{3}{8}$  tuổi mẹ. Biết tổng số tuổi của hai anh em là 30 tuổi. Tính số tuổi của mỗi người.

**Bài 20.** Số tuổi em bằng  $\frac{2}{9}$  số tuổi bố, số tuổi anh bằng  $\frac{2}{5}$  số tuổi bố. Biết tổng số tuổi của hai anh em là 28 tuổi. Tính số tuổi của mỗi người.

**Bài 21.** Một người bán trứng, buổi sáng bán được  $\frac{1}{5}$  số trứng, buổi chiều bán được  $\frac{1}{3}$  số trứng. Biết buổi chiều bán nhiều hơn buổi sáng là 30 quả. Hỏi còn lại bao nhiêu quả trứng?

**Bài 22.** Một máy cày, ngày thứ nhất cày được  $\frac{3}{8}$  diện tích ruộng, ngày thứ hai cày được  $\frac{2}{5}$  diện tích ruộng và như vậy, ngày thứ hai đã cày nhiều hơn ngày thứ nhất  $100\text{m}^2$ . Hỏi mỗi ngày, máy cày đó đã cày được bao nhiêu diện tích ruộng?

**Bài 23.** Qua đợt KTĐK lần II, lớp 5A có  $\frac{5}{8}$  số học sinh đạt điểm Giỏi,  $\frac{1}{4}$  số học sinh đạt điểm khá, còn lại đạt điểm trung bình. Biết số học sinh đạt điểm Giỏi hơn số học sinh đạt điểm khá là 12 em. Tính số học sinh lớp 5A. Tính số học sinh mỗi loại.

**Bài 24.** Một giá sách có ba ngăn: Số sách ở ngăn thứ nhất bằng  $\frac{2}{3}$  số sách ngăn thứ ba. Số sách ở ngăn thứ hai bằng  $\frac{3}{4}$  số sách ở ngăn thứ nhất. Biết số sách ngăn thứ ba có nhiều hơn số sách ở ngăn thứ hai 45 quyển, tính số sách mỗi ngăn.

**Bài 25.** Trong học kì 2, lớp 5B có  $\frac{1}{8}$  số học sinh đạt điểm Giỏi,  $\frac{1}{2}$  số học sinh đạt điểm khá, còn lại là trung bình. Biết số học sinh khá hơn số học sinh trung bình là

4 em. Tính số học sinh lớp 5B. Tính số học sinh mỗi loại.

**Bài 26.** Mẹ mang đi chợ 90000 đồng. Mẹ mua thịt hết  $\frac{2}{3}$  số tiền, mua rau hết  $\frac{1}{6}$  số tiền. Số tiền còn lại mẹ vừa đủ mua  $\frac{4}{3}$  kg cam. Tính giá tiền 1 kg cam.

**Bài 27.** Tuổi Chính trước đây 2 năm bằng  $\frac{2}{5}$  tuổi Chính sau đây 7 năm. Tính tuổi Chính hiện nay.

**Bài 28.** Biết rằng số bi của Việt thì bằng  $\frac{9}{10}$  số bi của Nam. Nếu Nam cho Việt 7 viên bi thì số bi của hai bạn bằng nhau. Tính số bi lúc đầu của hai bạn.

**Bài 29.** Ba bạn chia nhau 60 cái kẹo. Bạn Hùng lấy  $\frac{2}{5}$  số kẹo, bạn Dũng lấy số kẹo bằng  $\frac{4}{5}$  số kẹo của bạn Nam. Hỏi mỗi bạn được bao nhiêu cái kẹo ?

**Bài 30.** Cuối năm học vừa qua, An, Bình, Cường, Dũng được một số quyển vở. Biết rằng số vở của An bằng  $\frac{1}{2}$  số vở của ba bạn còn lại, số vở của Bình bằng  $\frac{1}{3}$  số vở của ba bạn còn lại, số vở của Cường bằng  $\frac{1}{4}$  số vở của ba bạn còn lại. Dũng được 13 quyển vở. Hỏi An, Bình, Cường mỗi bạn được bao nhiêu quyển vở ?

**Bài 31.** Một cửa hàng bán một tấm vải trong ba ngày. Ngày thứ nhất bán  $\frac{1}{3}$  tấm vải và 5m, ngày thứ hai bán  $\frac{3}{7}$  số vải còn lại và 3m, ngày thứ ba bán 17m thì hết tấm vải. Hỏi hai ngày đầu mỗi ngày bán được bao nhiêu mét vải ?

**Bài 32.** Tại một nhà máy, cuối năm số công nhân được khen nếu thêm 2 người thì được  $\frac{1}{5}$  tổng số công nhân, số công nhân không được khen nếu giảm đi 14 người thì bằng  $\frac{1}{2}$  số công nhân. Hỏi có bao nhiêu công nhân được khen?

**Bài 33.** Trong học kì 1, số học sinh giỏi của lớp bằng  $\frac{1}{9}$  số học sinh còn lại của cả

lớp. Sang học kì 2 có thêm 2 bạn giỏi nữa nên số học sinh giỏi bằng  $\frac{1}{5}$  số học sinh còn lại của cả lớp. Hỏi có bao nhiêu học sinh lớp em ?

-----**HẾT**-----

## ⑦ TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ TỈ SỐ

### Dạng 1. Tìm hai số khi biết tổng và tỉ dạng cơ bản

#### Bài 1. Tìm hai số biết

- a) Tổng của hai số là 333. Tỉ của hai số là  $\frac{2}{7}$ .
- b) Tổng của hai số là 96. Tỉ số của hai số đó là  $\frac{3}{5}$ .
- c) Tổng của hai số là 72. Nếu số lớn giảm 5 lần thì được số bé.
- d) Tổng của chúng bằng 48, nếu số bé gấp 3 lần thì được số lớn
- e) Tổng của hai số là 36. Tỉ số của hai số đó là  $\frac{5}{4}$

**Bài 2:** Một hình chữ nhật có nửa chu vi là 350cm, chiều rộng bằng  $\frac{3}{4}$  chiều dài.

Tìm chiều dài, chiều rộng của hình chữ nhật đó?

**Bài 3.** Một sợi dây dài 28m được cắt thành hai đoạn, đoạn thứ nhất dài gấp 3 lần đoạn dây thứ hai. Hỏi mỗi đoạn dài bao nhiêu mét?

**Bài 4.** Minh và Khôi có 25 quyển vở. Số vở của Minh bằng  $\frac{2}{3}$  số vở của Khôi. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu quyển vở ?

**Bài 5.** Hai kho chứa 125 tấn thóc. Số thóc ở kho thứ nhất bằng  $\frac{3}{2}$  số thóc ở kho thứ 2. Hỏi mỗi kho chứa bao nhiêu tấn thóc?

**Bài 6.** Một lớp có 35 học sinh, trong đó số học sinh nữ bằng  $\frac{3}{4}$  số học sinh nam. Tính số học sinh nữ của lớp đó.

**Bài 7.** Hai thùng đựng tất cả 112 lít nước mắm. Nếu đổ từ thùng thứ nhất sang thùng thứ hai 7 lít thì số mắm ở thùng thứ hai bằng  $\frac{5}{3}$  số mắm ở thùng thứ nhất. Hỏi lúc đầu thùng thứ nhất có bao nhiêu lít nước mắm.

**Bài 8.** Hiện nay tổng tuổi của 2 mẹ con là 35 tuổi. Tuổi con bằng  $\frac{2}{5}$  tuổi mẹ. Tính tuổi con cách đây 2 năm.



**Bài 9.** Hiện nay tổng tuổi của 2 bố con là 50 tuổi. Tuổi bố gấp 4 lần tuổi con. Tính tuổi bố sau 5 năm.

**Bài 10.** Có tất cả 18kg gạo. Trong đó số gạo tẻ bằng một nửa số gạo nếp. Hỏi số gạo mỗi loại?

**Bài 11.** Hai số có tổng là  $\frac{1}{4}$  và thương cũng là  $\frac{1}{4}$ . Tìm 2 số đó.

**Bài 12\*.** Bình và Đình có hai thửa ruộng, tổng diện tích của hai thửa ruộng đó là 780 m<sup>2</sup>. Nếu chuyển  $\frac{1}{6}$  diện tích ruộng của Bình sang cho Đình thì diện tích của hai thửa sẽ bằng nhau. Tính diện tích của mỗi thửa ruộng bằng mét vuông.

**Bài 13.** Lớp 5A và lớp 5B nhận chăm sóc hai thửa ruộng có tổng diện tích là 1560 m<sup>2</sup>. Nếu lấy  $\frac{1}{4}$  diện tích thửa ruộng của lớp 5A chuyển sang cho lớp 5B chăm sóc thì diện tích chăm sóc của hai lớp bằng nhau. Tính diện tích của mỗi thửa ruộng.

**Bài 14.** Hai hầm đông lạnh chứa 180 tấn tôm. Nếu người ta chuyển  $\frac{2}{7}$  khối lượng tôm ở hầm thứ nhất sang hầm thứ hai, thì khối lượng tôm ở hai hầm bằng nhau. Hỏi mỗi hầm chứa bao nhiêu tấn tôm?

## Dạng 2. Tìm hai số khi biết Tỉ số- Ấn tổng

**Bài 15.** Tổng của hai số bằng số lớn nhất của số có hai chữ số. Tỉ số của hai số đó là  $\frac{4}{5}$ . Tìm hai số đó.

**Bài 16.** Tìm 2 số, biết tổng của chúng bằng số bé nhất có 3 chữ số. Nếu lấy số này chia cho số kia ta được thương là 4.

**Bài 17.** Tổng 2 số bằng số lớn nhất có 4 chữ số. Nếu lấy số lớn chia cho số bé ta được thương là 10. Tìm 2 số đó.

**Bài 18.** Tổng của hai số là 135. Nếu số lớn thêm 5 đơn vị và giữ nguyên số bé thì số bé bằng  $\frac{2}{3}$  số lớn. Tìm số lớn ban đầu.

**Bài 19.** Tổng của hai số là 84. Nếu số bé giảm 7 đơn vị và giữ nguyên số lớn thì

được số bé mới bằng  $\frac{3}{4}$  số lớn. Tìm số bé ban đầu.

**Bài 20.** Tổng của hai số là số lớn nhất có hai chữ số. Tỉ của hai số là  $\frac{5}{4}$ . Tìm hai số.

**Bài 21** Một miếng vườn hình chữ nhật, có chu vi 200 m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính diện tích miếng vườn?

**Bài 22.** Miếng đất hình chữ nhật có chu vi 240m, chiều rộng bằng  $\frac{2}{3}$  chiều dài. Tính diện tích miếng đất hình chữ nhật đó.

**Bài 23.** Chu vi một mảnh vườn hình chữ nhật là 144m, chiều rộng bằng  $\frac{2}{7}$  chiều dài. Tính chiều rộng mảnh vườn đó.

**Bài 24.** Hiện nay tổng tuổi của 2 mẹ con là 36 tuổi. Sau 3 năm nữa tuổi con bằng  $\frac{1}{5}$  tuổi mẹ. Tính tuổi mẹ hiện nay.

**Bài 25.** Hiện nay tổng tuổi của hai chị em là 16 tuổi. Trước đây 2 năm tuổi chị gấp 3 lần tuổi em. Tính tuổi em trước đây 2 năm.

**Bài 26.** Chu vi hình bình hành ABCD bằng 20cm. Biết rằng cạnh AB dài gấp rưỡi cạnh BC. Hãy tính độ dài các cạnh của hình bình hành.

**Bài 27.** Chu vi của cái chiếu hoa hình chữ nhật là 7m 2dm. Tính diện tích của cái chiếu đó. (Biết chiều rộng bằng  $\frac{4}{5}$  chiều dài)

**Bài 28.** Trung bình cộng của hai số là 35. Số thứ nhất bằng  $\frac{2}{3}$  số thứ hai. Tìm hai số đó

**Bài 29.** Một người có 1 tạ rưỡi gạo gồm gạo nếp và gạo tẻ. Sau khi bán 15kg gạo nếp và 35kg gạo tẻ thì còn lại số gạo nếp bằng  $\frac{2}{3}$  số gạo tẻ. Hỏi lúc đầu người đó có bao nhiêu ki-lô-gam gạo mỗi loại?

**Bài 30.** Hình chữ nhật có chu vi 64cm. Nếu giảm chiều rộng 2cm, thêm chiều dài 2cm thì được hình chữ nhật mới có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính chiều dài

và chiều rộng hình chữ nhật ban đầu.

**Bài 31.** Chu vi của một hình chữ nhật là 84 m. Chiều rộng bằng  $\frac{3}{4}$  chiều dài. Tìm diện tích của hình chữ nhật đó.

### **Dạng 3. Tìm hai số khi biết Tổng số- Ẩn Tử số**

**Bài 32.** Một trường tiểu học có tất cả 567 học sinh. Biết rằng với 5 học sinh nam thì có 2 học sinh nữ. Hỏi trường tiểu học đó có bao nhiêu học sinh nam? Bao nhiêu học sinh nữ?

**Bài 33.** Tìm số tự nhiên. Biết rằng khi ta thêm vào bên phải số đó 1 chữ số 0 thì ta được số mới và tổng của số mới và số cũ là 297.

**Bài 34.** Tìm số tự nhiên. Biết rằng nếu ta thêm vào bên phải của số đó một chữ số 2 thì ta được số mới. Tổng của số mới và số cũ là 519.

**Bài 35.** Tìm hai số có tổng là 107. Biết rằng nếu xoá đi chữ số 8 ở hàng đơn vị của số lớn ta được số bé.

**Bài 36.** Tìm số tự nhiên. Biết rằng khi viết thêm vào bên phải số đó số 52 ta được số mới. Tổng của số mới và số đó bằng 5304.

**Bài 37.** Tổng 2 số bằng 385. Một trong hai số có số tận cùng bằng chữ số 0, nếu xoá chữ số 0 đó thì ta được 2 số bằng nhau. Tìm hai số đó.

**Bài 38.** Bác An và bác Bình làm được tất cả 108 sản phẩm. Trong đó bác An làm việc trong 5 giờ, bác Bình làm việc trong 7 giờ và mức làm việc của mỗi người như nhau. Hỏi mỗi bác làm được bao nhiêu sản phẩm?

**Bài 39.** Lớp 4A có 30 học sinh. Lớp 4B có 35 học sinh. Nhà trường phát cho cả hai lớp 260 cuốn vở. Hỏi mỗi lớp được bao nhiêu cuốn vở? (Mỗi học sinh được số vở như nhau)

**Bài 40.** Cho một số tự nhiên có hàng đơn vị là 9. Nếu xoá đi chữ số 9 đó thì được số mới mà tổng số mới và số ban đầu là 34 362. Tìm số tự nhiên đã cho.

**Bài 41.** Trong phong trào kế hoạch nhỏ, lớp 4A và lớp 4B góp được 50kg giấy vụn. Tìm số giấy vụn của mỗi lớp, biết rằng  $\frac{4}{7}$  số giấy vụn của lớp 4A bằng  $\frac{8}{11}$  số giấy vụn của lớp 4B.

**Bài 42.** Tìm số tự nhiên, biết rằng nếu viết thêm chữ số 6 vào bên phải số đó thì ta được số mới mà tổng số mới và số phải tìm là 13 591.

#### **Dạng 4. Tìm hai số khi Ấn tổng - Ấn tỉ số**

**Bài 43.** Trung bình cộng của 2 số là 440. Nếu ta thêm 1 chữ số 0 vào bên phải số bé thì ta được số lớn. Tìm 2 số đó.

**Bài 44.** Trung bình cộng của 3 số là 85. Nếu thêm 1 chữ số 0 vào bên phải số thứ hai thì được số thứ nhất, nếu gấp 4 lần số thứ hai thì được số thứ ba. Tìm 3 số đó.

**Bài 45.** Trung bình cộng của 3 số là 75. Nếu thêm 1 chữ số 0 vào bên phải số thứ hai thì được số thứ nhất. Tính số thứ 2 biết rằng số đó kém số thứ ba 4 lần.

#### **Dạng 5. Một số bài toán nâng cao**

**Bài 46.** Đội tuyển bóng đá mi ni của huyện A tham dự hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh gồm các bạn học sinh lớp 4 và lớp 5. Dự định số bạn tham gia đội tuyển bóng đá đang học lớp 4 chiếm  $\frac{1}{5}$  của cả đội. Nhưng do một bạn đang học lớp 4 không tham gia được mà thay bởi một bạn đang học lớp 5, khi đó số bạn đang học lớp 4 tham gia chỉ bằng  $\frac{1}{10}$  số thành viên của cả đội. Tính tổng số thành viên của cả đội bóng đá mi ni?

**Bài 47.** Đội tuyển của trường A tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp huyện gồm các bạn học sinh nam và học sinh nữ. Dự định số bạn nữ tham gia đội tuyển chiếm  $\frac{1}{4}$  số nam nhưng do điều kiện thay bởi một bạn nữ bằng một bạn nam. Khi đó số bạn nữ chiếm  $\frac{1}{5}$  số nam. Tính xem đội tuyển của trường A đi dự hội thao bao nhiêu học sinh?

**Bài 48.** Đội tuyển trường em tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp huyện, ban đầu số nữ bằng  $\frac{2}{3}$  số nam. Sau khi xét theo yêu cầu thay thế một bạn nữ bằng một bạn nam vì thế số nữ lúc này bằng  $\frac{3}{4}$  số nam. Hỏi đội tuyển trường em có bao nhiêu

bạn?

**Bài 49.** Một tủ sách có hai ngăn. Số sách ở ngăn dưới gấp 3 lần số sách ngăn trên. Nếu chuyển 10 quyển sách ở ngăn trên xuống ngăn dưới thì số sách ngăn dưới gấp 7 lần ngăn trên. Tính số sách mỗi ngăn.

**Bài 50.** Lúc đầu số vịt dưới ao nhiều gấp 5 lần số vịt trên bờ. Nhưng sau khi có 3 con vịt từ trên bờ nhảy xuống ao bơi lội thì số vịt dưới ao nhiều gấp 8 lần số vịt trên bờ. Hỏi cả đàn có bao nhiêu con?

**Bài 51.** Một hình chữ nhật có chiều rộng bằng  $\frac{2}{5}$  chiều dài. Nếu thêm vào chiều rộng 4m và đồng thời bớt chiều dài 4 m thì lúc đó chiều rộng bằng  $\frac{2}{3}$  chiều dài. Tính diện tích của hình chữ nhật đó.

**Bài 52.** Cuối học kì I lớp 5A có số học sinh giỏi bằng  $\frac{3}{7}$  số học sinh còn lại của lớp. Cuối năm học sinh lớp 5A có thêm 4 học sinh giỏi nên tổng số học sinh giỏi bằng  $\frac{2}{3}$  số học sinh còn lại của lớp. Hỏi lớp 5 A có bao nhiêu học sinh?

**Bài 53.** Một giá sách gồm hai ngăn: Số sách ngăn dưới bằng  $\frac{6}{5}$  số sách ngăn trên. Nếu xếp 15 quyển sách mới mua vào ngăn trên thì lúc đó số sách ở ngăn dưới bằng  $\frac{12}{11}$  số sách ngăn trên. Hỏi lúc đầu ở mỗi ngăn có bao nhiêu quyển sách?

**Bài 54.** Số gà mái nhiều gấp 6 lần số gà trống. Sau đó mua thêm 5 con gà trống nữa nên bây giờ số gà trống bằng  $\frac{1}{4}$  số gà mái. Hỏi lúc đầu có bao nhiêu con gà mái, gà trống?

**Bài 55.** Một cửa hàng nhập về một số xe máy. Người bán hàng lấy ra trưng bày để bán  $\frac{1}{8}$  số xe nhập về, số xe còn lại bỏ trong kho. Sau khi bán 3 chiếc xe ở quầy trưng bày thì người chủ quầy nhận thấy số xe ở trong kho nhiều gấp 10 lần số xe còn lại ở quầy trưng bày xe. Hỏi cửa hàng lúc đầu nhập về bao nhiêu chiếc xe máy?

**Bài 56.** Để chuẩn bị tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh, huyện em đã thành lập đội tuyển tham dự trong đó số nữ bằng  $\frac{2}{3}$  số nam. Sau khi đội được bổ sung 20 nữ và 15 nam nên lúc này số nữ bằng  $\frac{4}{5}$  số nam. Tính xem đội tuyển của huyện tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh có tất cả bao nhiêu vận động viên tham gia?

**Bài 57.** Trong đợt thi tuyển chọn học sinh đi tham dự giao lưu Toán Tuổi thơ lần thứ Tư của tỉnh A, trong đó số học sinh nữ bằng  $\frac{2}{3}$  số học sinh nam. Nếu có thêm 10 học sinh nam tham gia dự thi thì số nữ lúc này bằng  $\frac{3}{5}$  số học sinh nam. Hỏi có bao nhiêu học sinh tham gia thi tuyển?

**Bài 58.** Tủ sách thư viện trường em có hai ngăn: Ngăn thứ nhất có số sách bằng  $\frac{2}{3}$  số sách thứ hai. Nếu xếp thêm vào ngăn thứ nhất 80 cuốn và ngăn thứ hai 40 cuốn thì số sách ngăn thứ nhất bằng  $\frac{3}{4}$  số sách ngăn thứ hai. Hỏi ban đầu mỗi ngăn tủ có bao nhiêu cuốn sách?

**Bài 59.** Tí có một số bi không quá 80 viên, trong đó số bi đỏ gấp 5 lần số bi xanh. Nếu Tí có thêm 3 viên bi xanh nữa thì số bi đỏ gấp 4 lần số bi xanh. Hỏi lúc đầu Tí có mấy viên bi đỏ, mấy viên bi xanh?

**Bài 60.** Tuổi của con hiện nay bằng  $\frac{1}{2}$  hiệu tuổi của bố và tuổi con. Bốn năm trước, tuổi con bằng  $\frac{1}{3}$  hiệu tuổi của bố và tuổi con. Hỏi khi tuổi con bằng  $\frac{1}{4}$  hiệu tuổi của bố và tuổi của con thì tuổi của mỗi người là bao nhiêu?

-----HẾT-----

## ⑧ TÌM HAI SỐ KHI BIẾT HIỆU VÀ TỈ SỐ

### Dạng 1. Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số (dạng cơ bản)

**Bài 1.** Tìm hai số biết:

a) Hiệu của hai số là 36. Tỉ số của hai số đó là  $\frac{8}{5}$

b) Hiệu hai số là 84. Biết số này bằng  $\frac{3}{7}$  số kia.

c) Hiệu của chúng bằng 213. Tỉ số của hai số là  $\frac{1}{4}$

d) Hiệu của chúng là 24. Tỉ số của hai số là  $\frac{5}{3}$

**Bài 2.** Tìm hai số biết :

a) Hiệu là 124 và 3 lần số lớn bằng 5 lần số bé.

b) Hiệu bằng 56. Biết số thứ nhất gấp 3 lần số thứ hai.

**Bài 3.** Năm nay, em kém chị 8 tuổi và tuổi em bằng  $\frac{3}{5}$  tuổi chị. Hỏi chị năm nay bao nhiêu tuổi.

**Bài 4.** Một cửa hàng có số gạo tẻ nhiều hơn số gạo nếp là 480 kg. Tính số gạo mỗi loại biết số gạo nếp bằng  $\frac{1}{5}$  số gạo tẻ.

**Bài 5.** Bố cao hơn con 68cm. Tỉ số giữa chiều cao của bố và chiều cao của con là 5 : 3. Tính chiều cao của bố.

**Bài 6.** Một trường tiểu học có số học sinh gái ít hơn số học sinh trai là 120 học sinh. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh trai, bao nhiêu học sinh gái biết rằng số học sinh gái bằng  $\frac{5}{7}$  số học sinh trai ?

**Bài 7.** Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng là 15m. tính diện tích mảnh vườn đó biết rằng chiều rộng bằng  $\frac{3}{4}$  chiều dài.

**Bài 8.** Kho A ít hơn kho B 120 tấn thóc. Tính số thóc ở mỗi kho biết rằng số thóc

ở kho A bằng  $\frac{2}{5}$  số thóc ở kho B.

**Bài 9.** Lớp 4B có số học sinh trai bằng  $\frac{4}{3}$  số học sinh gái. Số học sinh trai nhiều hơn số học sinh gái là 4 em. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh trai, bao nhiêu học sinh gái.

**Bài 10.** Số hàng trên xe tải nhỏ chỉ bằng  $\frac{3}{4}$  số hàng trên xe tải lớn. Hỏi mỗi xe chở được bao nhiêu tấn hàng biết xe tải lớn chở nhiều hơn xe tải nhỏ 2 tấn hàng?

**Bài 11.** Bao gạo nếp nặng bằng  $\frac{5}{8}$  bao gạo tẻ và ít hơn bao gạo tẻ 15kg. Hỏi mỗi bao cân nặng bao nhiêu kg ?

### **Dạng 2. Tìm hai số khi biết Hiệu hai số- Ấn tỉ số**

**Bài 12.** Tìm hai số tự nhiên có hiệu là 675, biết rằng khi viết thêm chữ số 0 vào bên phải số bé ta được số lớn.

**Bài 13.** Hiệu của hai số là 1772. Tìm hai số đó biết rằng nếu viết thêm chữ số 8 vào tận cùng bên phải số bé thì được số lớn.

**Bài 14.** Tìm một số có ba chữ số biết rằng nếu viết thêm chữ số 3 vào bên phải số đó ta được số mới mà hiệu của số mới và số phải tìm là 2010.

**Bài 15.** Một hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 48cm. Tính diện tích hình chữ nhật biết chu vi hình chữ nhật bằng 8 lần chiều rộng.

**Bài 16.** Con thỏ nhẹ hơn con chó 9kg, 5 con thỏ nặng bằng 2 con chó. Hỏi mỗi con cân nặng bao nhiêu kg ?

**Bài 17.** Thùng thứ nhất có nhiều hơn thùng thứ hai 57 lít dầu. Nếu lấy đi  $\frac{1}{3}$  số dầu ở thùng thứ nhất và  $\frac{1}{4}$  số dầu ở thùng thứ hai thì số dầu còn lại ở hai thùng bằng nhau. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu.

**Bài 18.** Năm nay  $\frac{1}{7}$  tuổi bố bằng  $\frac{1}{2}$  tuổi con. Biết rằng bố hơn con 30 tuổi. Hỏi năm nay bố bao nhiêu tuổi.



### **Dạng 3. Tìm hai số khi biết tỉ số - Ẩn hiệu số**

#### **1. Bài toán Tìm hai số khi biết Tỉ số- Ẩn hiệu số**

#### **2. Bài toán Cùng thêm bớt - tạo tỉ số mới**

Cho hai số  $a$  và  $b$  thỏa mãn các điều kiện

1. Hiệu hai số:  $a-b$  không đổi

2. Tỉ số giữa hai số sau khi thêm (bớt) là  $\frac{c}{d}$

=> Khi thêm (hoặc bớt) vào cả  $a$  và  $b$  cùng một số thì hiệu của chúng không đổi nhưng có tỉ số mới. Ta dựa theo bài toán mới để giải

#### **1. Bài toán Tìm hai số khi biết Tỉ số- Ẩn hiệu số**

**Bài 19.** Hiệu của hai số bằng số lớn nhất có hai chữ số. tỉ số của hai số đó là  $\frac{20}{9}$ .

Tìm hai số đó.

**Bài 20.** Năm nay mẹ hơn con 26 tuổi. tính tuổi mẹ và con hiện nay biết rằng sau 2 năm nữa tuổi mẹ gấp 3 lần tuổi con.

**Bài 21.** Tìm số có bốn chữ số mà số hàng nghìn là 2. Nếu xóa chữ số hàng nghìn thì ta được số có ba chữ số bằng  $\frac{2}{7}$  số đó.

**Bài 22.** Số sách ở ngăn trên và ngăn dưới là 145 quyển. Sau khi lấy đi 15 quyển ở ngăn trên và 5 quyển ở ngăn dưới thì số sách còn lại ở ngăn dưới bằng  $\frac{5}{8}$  số sách ở ngăn trên. Tính số sách ở mỗi ngăn lúc đầu.(ẩn hiệu)

**Bài 23.** Hiện nay ông 70 tuổi, cháu 14 tuổi. Hối trước đây bao nhiêu năm, tuổi cháu bằng  $\frac{1}{15}$  tuổi ông.

**Bài 24.** Một lớp học có số học sinh nữ gấp đôi số học sinh nam. Nếu chuyển đi 3 học sinh nữ thì số học sinh nữ hơn số học sinh nam là 7 em. Lớp học đó có bao nhiêu học sinh

#### **2. Bài toán Cùng thêm bớt một số - tạo tỉ số mới**

**Bài 25.** a) Cho phân số  $\frac{23}{27}$ . Tìm số tự nhiên  $m$  sao cho cùng bớt  $m$  ở tử số và

mẫu số ta được phân số mới có giá trị bằng  $\frac{3}{4}$ .

b) Phải trừ đi cả tử số và mẫu số của phân số  $\frac{202}{367}$  một số nào để được phân số mới mà khi rút gọn ta được phân số  $\frac{5}{16}$ .

**Bài 26.** Kho thứ nhất có 185 tấn xi măng. Kho thứ hai ít hơn kho thứ nhất 35 tấn. Người ta xuất đi cùng một lượng hàng như nhau ở mỗi kho và chỉ giữ lại số xi măng ở kho thứ hai bằng  $\frac{3}{4}$  số xi măng ở kho thứ nhất. hỏi số xi măng xuất đi ở cả hai kho là bao nhiêu tấn?

**Bài 27.** Một lớp học đầu năm có số bạn nam nhiều hơn số bạn nữ là 4 bạn. Sau đó có 2 bạn nam và 2 bạn nữ chuyển đến thì số bạn nữ bằng  $\frac{15}{19}$  số bạn nam. Hỏi lúc đầu có bao nhiêu bạn nam, bao nhiêu bạn nữ ?

**Bài 28.** Một trại chăn nuôi có số gà gấp 3 lần số vịt, số con vịt ít hơn số con gà là 450 con. Hỏi phải cùng mua thêm số gà và số vịt bao nhiêu con nữa để cho số vịt bằng  $\frac{2}{5}$  số gà ?

**Bài 29.** Một công ty có hai kho thóc. Kho thứ nhất có 149 tấn thóc. Kho thứ hai có 250 tấn thóc. Người ta nhập thêm về hai kho thóc đó với cùng một số tấn thóc như nhau cho đến khi số thóc ở kho thứ nhất bằng  $\frac{4}{5}$  số thóc kho thứ hai thì dừng lại. hỏi tổng số thóc nhập thêm về hai kho là bao nhiêu tấn ?

**Bài 30.** Hiện nay mẹ hơn con 28 tuổi. Sau 3 năm nữa thì tuổi mẹ gấp 5 lần tuổi con. Tính tuổi mỗi người hiện nay.

**Bài 31.** Một cửa hàng có tất cả 420 quả táo và lê. Sau khi bán một số quả táo và lê, số táo bán đi bằng  $\frac{1}{6}$  số lê bán đi và số táo còn lại hơn số lê còn lại 40 quả. Tính số lê đã bán? Biết lúc đầu số táo bằng  $\frac{3}{4}$  số lê. (Đề thi vào lớp 6 Ams-2020)